|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU**TRƯỜNG THCS LÊ HỒNG PHONG** | **ÔN TẬP KIỂM TRA GỮA KÌ I****NĂM HỌC 2024**-**2025** |

**LỚP 8**

**Phần 1. 15 câu trắc nghiệm Địa lí 8 Bài 3: Khoáng sản Việt Nam**

**Câu 1.** Nước ta có khoảng bao nhiêu loại khoáng sản?

A. 50 loại khoáng sản khác nhau.

B. 60 loại khoáng sản khác nhau.

C. 70 loại khoáng sản khác nhau.

D. 80 loại khoáng sản khác nhau.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** B

Nước ta đã xác định được trên 5 000 mỏ và điểm quặng của hơn 60 loại khoáng sản khác nhau, với đủ các nhóm khoáng sản năng lượng (than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên), khoáng sản kim loại (sắt, đồng, bô-xit, man-gan, đất hiếm,...) và phi kim loại (a-pa-tit, đá vôi,...).

**Câu 2.** Khoáng sản nào sau đây thuộc khoáng sản kim loại đen?

A. Than.

B. Crôm.

C. Bô-xít.

D. Đá vôi.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** B

Dựa vào tính chất công dụng có thể sắp xếp khoáng sản thành một số nhóm:

- Khoáng sản năng lượng: than, dầu mỏ, khí tự nhiên,…

- Khoáng sản kim loại:

+ Kim loại đen: sắt, man-gan, crôm.

+ Kim loại màu: đồng, chì, kẽm, ni-ken, bô-xít, thiếc, ti-tan, vàng,…

- Khoáng sản phi kim loại: đá quý, a-pa-tit, sét, cao lanh, đá vôi, cát sỏi xây dựng, nước khoáng...

**Câu 3.** Khoáng sản nào sau đây thuộc khoáng sản kim loại màu?

A. Dầu mỏ.

B. Man-gan.

C. Thiếc.

D. A-pa-tit.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** C

Dựa vào tính chất công dụng có thể sắp xếp khoáng sản thành một số nhóm:

- Khoáng sản năng lượng: than, dầu mỏ, khí tự nhiên,…

- Khoáng sản kim loại:

+ Kim loại đen: sắt, man-gan, crôm.

+ Kim loại màu: đồng, chì, kẽm, ni-ken, bô-xít, thiếc, ti-tan, vàng,…

- Khoáng sản phi kim loại: đá quý, a-pa-tit, sét, cao lanh, đá vôi, cát sỏi xây dựng, nước khoáng...

**Câu 4.** Loại khoáng sản nào sau đây **không** phổ biến ở Việt Nam?

A. Dầu mỏ.

B. Than.

C. Kim cương.

D. Đồng.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** C

Các mỏ khoáng sản có trữ lượng lớn là than, dầu khí, apatit, đá vôi, sắt, crom, đồng, thiếc, boxit,…

**Câu 5.** Các mỏ khoáng sản có trữ lượng lớn ở nước ta là

A. Đá vôi, mỏ sắt, than, chì.

B. Than, dầu mỏ, khí đốt.

C. Mỏ sắt, than, vàng, dầu mỏ.

D. Bôxit, apatit, đồng, chì.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** B

Các mỏ khoáng sản có trữ lượng lớn là than, dầu khí, apatit, đá vôi, sắt, crom, đồng, thiếc, boxit.

- Than đá: Tổng trữ lượng khoảng 7 tỉ tấn, phân bố chủ yếu ở bể than Quảng Ninh.

- Dầu mỏ và khí tự nhiên: Tổng trữ lượng khoảng 10 tỉ tấn dầu quy đổi, phân bố chủ yếu ở vùng thềm lục địa phía đông nam.

**Câu 6.** Ở Việt Nam, mỏ Apatit tập trung chủ yếu ở tỉnh nào sau đây?

A. Cao Bằng.

B. Bắc Cạn.

C. Lào Cai.

D. Tuyên Quang.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** C

Ở nước ta, mỏ A-pa-tít có tổng trữ lượng khoảng 2 tỉ tấn, phân bố tập trung ở Lào Cai. Apatit được dung để sản xuất phân bón.

**Câu 7.** Ở Việt Nam, mỏ bôxít tập trung chủ yếu ở vùng nào dưới đây?

A. Tây Nguyên.

B. Tây Nam Bộ.

C. Nam Trung Bộ.

D. Đồng bằng Bắc Bộ.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** A

Ở nước ta, mỏ Bô-xít có tổng trữ lượng khoảng 9,6 tỉ tấn, phân bố tập trung ở Tây Nguyên (Đắk Nông, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum,...), ngoài ra còn có ở một số tỉnh phía bắc (Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang).

**Câu 8.** Ở Việt Nam, than bùn tập trung chủ yếu tại đồng bằng nào sau đây?

A. Đồng bằng Thanh - Nghệ - Tĩnh.

B. Đồng bằng duyên hải miền Trung.

C. Đồng bằng sông Hồng.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** D

Vào giai đoạn Tân kiến tạo, đồng bằng Đồng bằng sông Cửu Long là đồng bằng ở nước ta tập trung nhiều than bùn nhất.

**Câu 9.** Ở Việt Nam, sắt phân bố chủ yếu tại khu vực nào sau đây?

A. Đông Bắc.

B. Tây Nam Bộ.

C. Bắc Trung Bộ.

D. Nam Trung Bộ.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** A

Sắt: Tổng trữ lượng khoảng 1,1 tỉ tấn, phân bố chủ yếu ở khu vực Đông Bắc (Thái Nguyên, Lào Cai, Hà Giang),... và Bắc Trung Bộ (Hà Tĩnh).

**Câu 10.** Ở Việt Nam, đá vôi được phân bố chủ yếu tại khu vực nào?

A. Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.

B. Đồng bằng Bắc Bộ và Tây Nguyên.

C. Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung.

D. Vùng núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** D

Ở Việt Nam, đá vôi có tổng trữ lượng lên đến 8 tỉ tấn, phân bố chủ yếu ở vùng núi phía bắc và Bắc Trung Bộ.

**Câu 11.** Vấn đề nào dưới đây đặt ra khi khai thác, vận chuyển và chế biến khoáng sản?

A. Gây ô nhiễm môi trường sinh thái.

B. Khó khăn trong khâu vận chuyển.

C. Chi phí vận chuyển, chế biến lớn.

D. Giá thành sản phẩm đầu ra thấp.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** A

Vấn đề đặt ra khi khai thác, vận chuyển và chế biến khoáng sản là gây ô nhiễm môi trường sinh thái ảnh hưởng lớn đến sức khỏe con người. Điển hình như ở vùng Quảng Ninh, Thái Nguyên, Vũng Tàu,…

**Câu 12.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng vai trò của tài nguyên khoáng sản?

A. Bảo vệ đa dạng sinh học, tài nguyên đất.

B. Đảm bảo an ninh năng lượng cho quốc gia.

C. Cung cấp nguyên liệu cho nông nghiệp.

D. Tạo nhiều việc làm cho người lao động.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** B

Tài nguyên khoáng sản có vai trò quan trọng trong nền kinh tế - xã hội của đất nước: là nguồn nguyên liệu chính cho nhiều ngành công nghiệp, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, cung cấp nhiên liệu cho sản xuất, phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân,...

**Câu 13.** Khoáng sản là loại tài nguyên

A. có giá trị vô tận.

B. tự phục hồi được.

C. thường bị hao kiệt.

D. không phục hồi được.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** D

**Phần 1. 15 câu trắc nghiệm Địa lí 8 Bài 1: Vị trí và phạm vị lãnh thổ Việt Nam**

**Câu 1.** Vị trí Việt Nam nằm trong khoảng

A. 8o34'B => 23o23'B và 102o5'Đ => 109o24'Đ.

B. 8o30'B => 23o23'B và 102o10'Đ => 109o24'Đ.

C. 8o34'B => 23o23'B và 102o09'Đ => 109o24'Đ.

D. 8o34'B => 23o23'B và 102o10'Đ => 109o40'Đ.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** C

Vị trí Việt Nam nằm trong khoảng từ 8o34'B => 23o23'B và 102o09'Đ => 109o24'Đ.

**Câu 2.** Điểm cực Tây của nước ta thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Lai Châu.

B. Hà Giang.

C. Điện Biên.

D. Hòa Bình.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** C

Điểm cực Tây của nước ta có tọa độ 22°22’B và 102°09'Đ tại xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

**Câu 3.** Trên đất liền, nước ta không có đường biên giới với quốc gia nào sau đây?

A. Thái Lan.

B. Cam-pu-chia.

C. Lào.

D. Trung Quốc.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** A

Trên đất liền, nước ta có chung đường biên giới với ba quốc gia (Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia) và có chung Biển Đông với nhiều nước.

**Câu 4.** Việt Nam có vị trí cầu nối giữa các lục địa nào sau đây?

A. Nam Mĩ với Á - Âu.

B. Á - Âu với Thái Bình Dương.

C. Ô-xtrây-li-a với Á - Âu.

D. Bắc Mĩ với Thái Bình Dương.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** B

Việt Nam nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương, trung tâm khu vực Đông Nam Á; vị trí cầu nối giữa hai lục địa (Á - Âu và Ô-xtrây-li-a); hai đại dương (Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương).

**Câu 5.** Phần đất liền Việt Nam theo chiều đông - tây kéo dài từ

A. 109°24′Đ đến 102°09′Đ.

B. 109°25′Đ đến 102°10′Đ.

C. 109°24′Đ đến 102°10′Đ.

D. 109°25′Đ đến 102°09′Đ.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** A

Phần đất liền Việt Nam có vị trí theo chiều bắc - nam từ 23°23'B đến 8°34′B, theo chiều đông - tây từ 109°24′Đ đến 102°09′Đ. Vùng biển kéo dài tới khoảng vĩ độ 6°50′B và từ khoảng kinh độ 101°Đ đến trên 117°20'Đ tại Biển Đông.

**Câu 6.** Vị trí địa lí làm cho thiên nhiên nước ta mang tính chất

A. cận nhiệt đới trên núi.

B. cận xích đạo gió mùa.

C. nhiệt đới khô trên núi.

D. nhiệt đới ẩm gió mùa.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** D

Nước ta có vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc, nhận được lượng bức xạ lớn trong năm với nền nhiệt cao quanh năm; nước ta nằm trong khu vực có gió mùa điển hình trên thế giới (chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc và gió mùa Tây Nam). Đồng thời, nước ta tiếp giáp với Biển Đông nên dự trữ lượng nhiệt ẩm dồi dào => Vị trí đã mang lại cho thiên nhiên nước ta có tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

**Câu 7.** Đường bờ biển của Việt Nam dài là

A. 2360km.

B. 3260km.

C. 4450km.

D. 1650km.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** B

Đường bờ biển dài khoảng 3 260 km, từ thành phố Móng Cái (Quảng Ninh) đến thành phố Hà Tiên (Kiên Giang). Tính đến năm 2021, nước ta có 28 tỉnh, thành phố giáp biển.

**Câu 8.** Hai quần đảo xa bờ của nước ta là

A. Hoàng Sa và Trường Sa.

B. Trường Sa và Côn Đảo.

C. Cồn Cỏ và Hoàng Sa.

D. Lý Sơn và Trường Sa.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** A

Vùng biển Việt Nam có hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ, trong đó có quần đảo Hoàng Sa (thuộc thành phố Đà Nẵng) và quần đảo Trường Sa (thuộc tỉnh Khánh Hòa) thuộc chủ quyền của Việt Nam.

**Câu 9.** Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh thành nào dưới đây?

A. Khánh Hòa.

B. Đà Nẵng.

C. Quảng Nam.

D. Quảng Ngãi.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** A

Vùng biển Việt Nam có hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ, trong đó có quần đảo Hoàng Sa (thuộc thành phố Đà Nẵng) và quần đảo Trường Sa (thuộc tỉnh Khánh Hòa) thuộc chủ quyền của Việt Nam.

**Câu 10.** Lãnh thổ nước ta là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm có

A. vùng đất, vùng biển và vùng trời.

B. vùng đất, vùng biển và quần đảo.

C. vùng đất, đồng bằng và vùng trời.

D. vùng núi, vùng biển và vùng trời.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** A

Lãnh thổ nước ta là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm: vùng đất, vùng biển và vùng trời.

**Câu 11.** Vì sao nước ta hàng năm nhận được lượng bức xạ lớn?

A. Nằm trong vùng nội chí tuyến.

B. Chịu ảnh hưởng của gió mùa.

C. Tiếp giáp Biển Đông rộng lớn.

D. Thiên nhiên nước ta phân hóa.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** A

Việt Nam nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến ở bán cầu Bắc nên tổng bức xạ hằng năm lớn, cán cân bức xạ luôn dương. Nước ta nằm trong khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió Mậu dịch (Tín phong) và gió mùa châu Á nên khí hậu có hai mùa rõ rệt.

**Câu 12.** Năm 2023, nước ta có bao nhiêu tỉnh/thành phố tiếp giáp với Biển Đông?

A. 27 tỉnh/ thành phố.

B. 28 tỉnh/ thành phố.

C. 26 tỉnh/ thành phố.

D. 29 tỉnh/ thành phố.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** B

Đường bờ biển dài khoảng 3260 km, từ thành phố Móng Cái (Quảng Ninh) đến thành phố Hà Tiên (Kiên Giang). Tính đến năm 2021, nước ta có 28 tỉnh, thành phố giáp biển.

**Câu 13.** Thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong khu vực Đông Nam Á sẽ được phát huy cao độ nếu biết kết hợp xây dựng các loại hình giao thông vận tải nào dưới đây?

A. Đường biển và đường sắt.

B. Đường ô tô và đường sắt.

C. Đường ô tô và đường biển.

D. Hàng không và đường biển.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** D

Vị trí địa lí nước ta nằm gần các tuyến hàng hải và hàng không quốc tế nên thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong khu vực Đông Nam Á sẽ được phát huy cao độ nếu biết kết hợp xây dựng các loại hình giao thông vận tải: đường hàng không và đường biển. Đây là những loại hình vận tải có ưu thế về vận tải quốc tế trên những tuyến đường xa, tốc độ nhanh (hàng không) và hàng nặng (đường biển), do vậy sẽ đẩy mạnh quá trình giao lưu trao đổi kinh tế - xã hội với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á và thế giới.

**Câu 14.** Đường bờ biển nước ta kéo dài từ

A. Hải Phòng đến Cần Thơ.

B. Móng Cái đến Hà Tiên.

C. Thái Bình đến Cà Mau.

D. Quảng Ninh đến Kiên Giang.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** B

Vùng biển Việt Nam có diện tích khoảng 1 triệu km2, gấp hơn 3 lần diện tích đất liền, chiếm gần 30% diện tích Biển Đông. Đường bờ biển của nước ta dài 3 260 km, từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang).

**Câu 15.** Tổ chức UNESCO đã công nhận vịnh biển nào của Việt Nam là di sản thiên nhiên thế giới?

A. Vịnh Hạ Long.

B. Vịnh Vân Phong.

C. Vịnh Cam Ranh.

D. Vịnh Chân Mây.

**Hướng dẫn giải**

**Đáp án đúng là:** A

**Phần 2. Lý thuyết Địa lí 8 Bài 1: Vị trí và phạm vị lãnh thổ Việt Nam**

**I. Vị trí địa lí**

- Việt Nam nằm ở rìa đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á. Trên đất liền, nước ta có chung đường biên giới với ba quốc gia (Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia) và có chung Biển Đông với nhiều nước.

- Hệ tọa độ trên đất liền: theo chiều bắc - nam từ 23°23′B đến 8°34′B, theo chiều đông - tây từ 109°24′Đ đến 102°09′Đ. Trong đó:

+ Cực Bắc: tại xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang

+ Cực Nam: tại xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

+ Cực Tây: tại xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên

+ Cực Đông: tại Xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa

- Tọa độ địa lí trên biển: Phía Đông 117°20’Đ, phía Nam 6°50'B và phía Tây 101°Đ.

- Nước ta nằm ở vị trí nội chí tuyến bán cầu Bắc; trong khu vực châu Á gió mùa; nơi tiếp giáp giữa đất liền và đại dương, liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải.

- Việt Nam nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế, là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

**II. Phạm vi lãnh thổ**

- Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm: vùng đất, vùng trời và vùng biển.

**- Vùng đất liền:**

+ Gồm toàn bộ phần đất liền và các đảo, quần đảo đảo trên Biển Đông.

+ Tổng diện tích lãnh thổ là 331.212 km².

+ Biên giới trên đất liền dài hơn 4600km, phần lớn nằm ở khu vực miền núi: Phía Bắc giáp Trung Quốc (dài hơn 1400km); phía Tây giáp Lào (gần 2100 km); phía Tây Nam giáp Campuchia (hơn 1100 km).

**- Vùng biển:**

+ Vùng biển Việt Nam có hàng nghìn hòn đảo lớn, nhỏ, trong đó có quần đảo Hoàng Sa (thuộc thành phố Đà Nẵng) và quần đảo Trường Sa (thuộc tỉnh Khánh Hòa) thuộc chủ quyền của Việt Nam.

+ Diện tích vùng biển của Việt Nam là khoảng 1 triệu Km2, gấp hơn 3 lần diện tích đất liền, chiếm gần 30% diện tích Biển Đông.

+ Đường bờ biển dài 3260 km chạy theo hình chữ S từ thị xã Móng Cái (Quảng Ninh) đến thị xã Hà Tiên (Kiên Giang). Tính đến năm 2023, Việt Nam có 28/63 tỉnh và thành phố giáp với biển.

**- Vùng trời:**

+ Là khoảng không gian bao trùm trên lãnh thổ nước ta.

+ Trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới, trên biển là ranh giới bên ngoài của lãnh hải và không gian trên các hải đảo.

**Phần 2. Lý thuyết Địa lí 8 Bài 2: Địa hình Việt Nam**

**I. Đặc điểm chung của địa hình**

**1. Địa hình đồi núi chiếm ưu thế**

**-**Đồi núi chiếm tới 3/4 diện tích phần đất liền, nhưng chủ yếu là đồi núi thấp. Địa hình núi cao trên 2.000 m chỉ chiếm 1% diện tích cả nước.

- Đồi núi nước ta chạy dài 1 400 km, từ Tây Bắc tới Đông Nam Bộ. Nhiều vùng núi lan ra sát biển hoặc bị biển nhấn chìm thành các quần đảo (như vùng biển Hạ Long, Quảng Ninh trong vịnh Bắc Bộ).

- Địa hình đồng bằng chỉ chiếm 1/4 diện tích phần đất liền và chia thành nhiều khu vực; điển hình là dải đồng bằng duyên hải miền Trung, bị đồi núi ngăn cách thành nhiều đồng bằng nhỏ.

**II. Các khu vực địa hình**

**1. Địa hình đồi núi**

- Địa hình đồi núi nước ta chia thành 4 vùng là: Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.

***\**Vùng núi Đông Bắc:**

**- Phạm vi:** Nằm ở tả ngạn sông Hồng đến biên giới phía Bắc.

**- Đặc điểm địa hình:**

+ Địa hình thấp dần theo hướng Tây Bắc xuống Đông Nam.

+ Độ cao trung bình phổ biến dưới 1.000 m.

+ Đặc trưng của vùng núi này là những cánh cung núi lớn (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) và vùng đồi (trung du) phát triển mở rộng (như ở Phú Thọ, Bắc Giang,..).

+ Địa hình các-xtơ khá phổ biến, tạo nên những cảnh quan đẹp như vùng hồ Ba Bể, vịnh Hạ Long.

**I. Đặc điểm chung của khoáng sản Việt Nam**

**1. Đặc điểm:**

**- Cơ cấu:** Khoáng sản nước ta khá phong phú và đa dạng. Trên lãnh thổ Việt Nam đã thăm dò được hơn 60 loại khoáng sản khác nhau như khoáng sản: năng lượng, kim loại, phi kim loại.

**- Quy mô:** phần lớn các mỏ khoáng sản ở nước ta có trữ lượng trung bình và nhỏ. Một số mỏ có trữ lượng lớn như:

+ Vùng mỏ Đông Bắc với các mỏ sắt, ti tan (Thái Nguyên), than (Quảng Ninh).

+ Vùng mỏ Bắc Trung Bộ với các mỏ crôm (Thanh Hoá), thiếc, đá quý (Nghệ An), sắt (Hà Tĩnh).

**- Phân bố:** Khoáng sản nước ta phân bố ở nhiều nơi, nhưng tập trung chủ yếu ở miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên.

**I. Đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu**

***- Than đá:*** Tổng trữ lượng khoảng 7 tỉ tấn, phân bố chủ yếu ở bể than Quảng Ninh.

***- Dầu mỏ và khí tự nhiên:*** Tổng trữ lượng khoảng 10 tỉ tấn dầu quy đổi, phân bố chủ yếu ở vùng thềm lục địa phía đông nam.

***- Bô-xít:*** Tổng trữ lượng khoảng 9,6 tỉ tấn, phân bố tập trung ở Tây Nguyên (Đắk Nông, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum,...), ngoài ra còn có ở một số tỉnh phía bắc (Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang,...).

***- Sắt:*** Tổng trữ lượng khoảng 1,1 tỉ tấn, phân bố chủ yếu ở khu vực Đông Bắc (Thái Nguyên, Lào Cai, Hà Giang),... và Bắc Trung Bộ (Hà Tĩnh).

***- A-pa-tít:*** Tổng trữ lượng khoảng 2 tỉ tấn, phân bố tập trung ở Lào Cai.

***- Ti-tan:*** Tổng trữ lượng khoảng 663 triệu tấn, phân bố rải rác ở ven biển từ Quảng Ninh đến Bà Rịa - Vũng Tàu.

***- Đá vôi:*** Tổng trữ lượng lên đến 8 tỉ tấn, phân bố chủ yếu ở vùng núi phía Bắc và

Bắc Trung Bộ.

**III. Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản**

- Nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản khá phong phú, đa dạng, nhiều loại khoáng sản có trữ lượng lớn, chất lượng tốt,…. => đây là nguồn cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp cũng như đảm bảo an ninh năng lượng cho quốc gia.

- Nhiều mỏ khoáng sản đã được phát hiện và đưa vào khai thác. Tuy nhiên, việc khai thác và sử dụng còn chưa hợp lí, công nghệ khai thác còn lạc hậu,... gây lãng phí, ảnh hưởng xấu đến môi trường và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, một số loại khoáng sản bị khai thác quá mức dẫn tới nguy cơ cạn kiệt, vì vậy cần phải sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.

- Một số giải pháp nhằm sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản:

+ Phát triển các hoạt động điều tra, thăm dò; khai thác, chế biến; giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái và cảnh quan.

+ Đẩy mạnh đầu tư, hình thành ngành khai thác, chế biến đồng bộ, hiệu quả với công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại.

+ Phát triển công nghiệp chế biến các loại khoáng sản, hạn chế xuất khẩu khoáng sản thô.

+ Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản.

+ Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong hoạt động khai thác và sử dụng khoáng sản.